

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2023

V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Bà Huỳnh Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Giàu, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 214/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2023 về việc: “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Lệ T, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 3, khu phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Kim C, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 5, khu phố 2, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Kim T; địa chỉ: Tổ 3, khu phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn L - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tân Uyên, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2420/GUQ-UBND ngày 13/9/2023); có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Phan Lệ T trình bày:

Bà Phan Lệ T và ông Phan Kim C tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn (nay là phường) U, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyền số 01 năm 1996. Trong quá trình chung sống, bà T và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà T đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C và được giải quyết tại Bản án số 71/2022/HNGĐ-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Theo Bản án bà T được ly hôn với ông C, về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống với ông C, bà T được cha ruột là ông Phan Kim S tặng cho riêng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 11 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào năm 2004. Khi chung sống với ông C thì bà T và ông C đã tạo lập được tài sản trên đất gồm các tài sản được thể hiện trong Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và Mảnh trích lục địa chính số 543-2023 ngày 22/8/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân Uyên cung cấp cho Tòa án.

Tuy nhiên, sau khi ly hôn bà T và ông C không thống nhất ý kiến về việc phân chia tài sản chung. Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu: Công nhận quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế 833m² thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 11 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là tài sản riêng của bà Phan Lệ T và chia cho bà Phan Lệ T với ông Phan Kim C mỗi người ½ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 11 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Mảnh trích lục địa chính số 543-2023 ngày 22/8/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cung cấp cho Tòa án. Cụ thể, Mái che: 127,4m² (trong đó 25,4m² thuộc HLATĐB và 29,8m² thuộc HLBVS); Lối đi: 20,3m² (trong đó 19,9m² thuộc HLATĐB và 0,4m² thuộc HLBVS); Kiốt cho thuê (phòng khám răng): 126,1m² (trong đó 116,4m² thuộc HLATĐB và 0,6m² thuộc HLBVS); nhà ở là 70,9m²; Phòng trọ (nhà cho thuê): 609,4m². Bà Phan Lệ T yêu cầu được nhận bằng hiện vật và thanh toán 50% giá trị tài sản cho ông C.

Ngày 25/9/2023, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Công nhận quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế 833m² thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 11 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là tài sản riêng của bà Phan Lệ T. Yêu cầu khác bà T giữ nguyên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2023 bị đơn ông Phan Kim C trình bày:

Ông C thống nhất với trình bày của bà T. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 11 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc do cha ruột của bà T là ông Phan Văn S tặng cho bà T vào năm 2004,

đây là tài sản riêng của bà T. Quá trình chung sống với bà T giữa ông C và bà T đã tạo lập được tài sản trên đất gồm các tài sản được thể hiện trong Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và Mảnh trích lục địa chính số 543-2023 ngày 22/8/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cung cấp cho Tòa án.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà T, ông C đồng ý quyền sử dụng đất thuộc thửa 977 là tài sản riêng của bà T; đối với tài sản trên thửa đất 977 trường hợp Tòa án chia mỗi người 1/2 thì phần ông C được hưởng đề nghị giao cho con ruột của ông C và bà T là ông Phan Kim T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Kim T trình bày: Ông T là con ruột của bà Phan Lệ T và ông Phan Kim C. Theo biên bản lấy lời khai của ông Phan Kim C tại Tòa án thể hiện ông C cho ông T phần tài sản ông C được chia. Ông T không đồng ý nhận phần tài sản ông C được chia.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:* Giấy CNQSDĐ số vào sổ 03473 đối với thửa đất 977, tờ bản đồ số 11 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương cho bà Phan Lệ T được cấp trên cơ sở Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 23/8/2004. Khi cấp Giấy CNQSDĐ được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Thửa đất 977, tờ bản đồ số 11 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuộc quy hoạch đất ở và đất giao thông. Giữa bà Phan Lệ T với UBND huyện T đã ký Hợp đồng thuê đất số 27/HĐTĐ ngày 03/11/2005 nên quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 977 là đất của Nhà nước cho bà Phan Lệ T thuê để thực hiện dự án nhà cho thuê, thời hạn thuê đất đến tháng 9/2025. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ngày 25/9/2023, bà T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 861m² (đo đạc thực tế là 833m²) thuộc thửa 977, tờ bản đồ số 11 tại phường T, thành phố T là tài sản riêng của bà T. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bà T.

Đối với yêu cầu về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn trên thửa 977, tờ bản đồ số 11, bà T yêu cầu chia mỗi người 50% giá trị, bà T nhận hiện vật và hoàn trả giá trị cho ông C, ông C đồng ý nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Lệ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Phan Kim C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Kim T và người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên vắng mặt và đã có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà T và ông C đã ly hôn tại Bản án số 71/2022/HNGĐ-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bà T yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nên quan hệ pháp luật là “*tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*” được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại phường U, thành phố T nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Phan Lệ T rút một phần yêu cầu đối với việc: Công nhận quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế 833m² thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 11 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là tài sản riêng của bà Phan Lệ T. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Lệ T.

- Về nội dung:

[1] Nguyên đơn bà Phan Lệ T yêu cầu Tòa án chia cho bà Phan Lệ T với ông Phan Kim C mỗi người ½ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 11 tại phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Mảnh trích lục địa chính số 543-2023 ngày 22/8/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân Uyên cung cấp cho Tòa án. Cụ thể, mái che: 127,4m² (trong đó 25,4m² thuộc HLATĐB và 29,8m² thuộc HLBVS); lối đi: 20,3m² (trong đó 19,9m² thuộc HLATĐB và 0,4m² thuộc HLBVS); kiốt cho thuê (phòng khám răng): 126,1m² (trong đó 116,4m² thuộc HLATĐB và 0,6m² thuộc HLBVS); nhà ở là 70,9m²; phòng trọ (nhà cho thuê): 609,4m². Bà Phan Lệ T yêu cầu được nhận bằng hiện vật và thanh toán 50% giá trị tài sản cho ông C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Theo kết quả xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tân Uyên và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03743, ngày 01/10/2004 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho bà Phan Lệ T thể hiện: Bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 23/8/2004. Nguồn gốc đất là của ông Phan Kim Sơn chuyển quyền sử dụng đất cho bà Phan Lệ T.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 977 có nguồn gốc của ông Phan Kim Sơn tặng cho riêng bà T, đây là tài sản riêng của bà T và tài sản trên thửa đất 977 là tài sản chung của bà T và ông C được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Sự thừa nhận của đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở xác định tài sản trên thửa đất số 977 là của bà T và ông C.

[1.3] Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Mảnh trích lục địa chính số 543-2023 ngày 22/8/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân Uyên cung cấp cho Tòa án thể hiện tài sản trên thửa đất 977 gồm mái che: 127,4m² (trong đó 25,4m² thuộc HLATĐB và 29,8m² thuộc HLBVS); lối đi: 20,3m² (trong đó 19,9m² thuộc HLATĐB và 0,4m² thuộc HLBVS); kiốt cho thuê (phòng khám răng): 126,1m² (trong đó 116,4m² thuộc HLATĐB và 0,6m² thuộc HLBVS); nhà ở là 70,9m²; phòng trọ (nhà cho thuê): 609,4m².

[1.4] Kết quả định giá xác định giá trị tài sản tranh chấp cụ thể là: mái che: 127,4m² có trị giá 41.736.240 đồng; lối đi: 20,3m² có trị giá 3.495.660 đồng; kiốt cho thuê (phòng khám răng): 126,1m² có trị giá 170.008.020 đồng; nhà ở là 70,9m² có trị giá 310.566.815 đồng; phòng trọ (nhà cho thuê): 609,4m² có trị giá là 983.388.780 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 1.509.195.515 đồng.

[1.5] Như đã phân tích tại mục [1.2], các đương sự thống nhất tài sản trên thửa đất 977 là tài sản chung của bà T và ông C, bà T yêu cầu được nhận bằng hiện vật tài sản tranh chấp, quá trình giải quyết vụ án ông C xác định đồng ý cho bà T được nhận bằng hiện vật, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra, ông C đề nghị giao 1/2 giá trị tài sản ông C được chia cho ông Phan Kim T nhưng ông T từ chối nhận. Do đó, phần giá trị tài sản ông C được chia sẽ giao cho ông C.

[2] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Lệ T tự nguyện nộp nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 138, 147, 157, 161, 165, 122, 138, 139, 217, 227, 228, 229, 244 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 33, 43, 44 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Lệ T đối với yêu cầu: Công nhận quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế 833m² thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 11 tại phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là tài sản riêng của bà Phan Lệ T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Lệ T đối với bị đơn ông Phan Kim C.

3. Xác định tài sản trên thửa đất 977 gồm mái che: 127,4m² (trong đó 25,4m² thuộc HLATĐB và 29,8m² thuộc HLBVS); lối đi: 20,3m² (trong đó 19,9m² thuộc HLATĐB và 0,4m² thuộc HLBVS); kiốt cho thuê (phòng khám răng): 126,1m² (trong đó 116,4m² thuộc HLATĐB và 0,6m² thuộc HLBVS); nhà ở là 70,9m²; phòng trọ (nhà cho thuê): 609,4m² là tài sản chung của bà Phan Lệ T và ông Phan Kim C. Bà Phan Lệ T được nhận bằng hiện vật tất cả tài sản nêu trên. (có bản vẽ kèm theo).

4. Bà Phan Lệ T có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho ông Phan Kim C số tiền: 754.597.757 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Bà Phan Lệ T phải nộp số tiền 34.183.910 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 52.340.400 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007720 ngày 01/6/2023; số tiền 1.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008019 ngày 29/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên. Trả lại cho bà Phan Lệ T số tiền 19.406.490 đồng.

5.2. Ông Phan Kim C phải nộp án phí là 34.183.910 đồng.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Phan Lệ T đã nộp đủ.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Hiệp